

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 4 - 2025.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 586/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: tổ A, KP6, TT . V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ A, KP6, TT . V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(bà D, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Kim D trình bày:**

Bà và ông Phan Văn C chung sống với nhau từ năm 2015 có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn V cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 149 ngày 05/02/2015. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, bắt đầu từ năm 2023 hai bên đã ngồi lại nói chuyện nhiều lần nhưng không được, bất đồng quan điểm sống ngày càng gay gắt không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Hà Thiên V, sinh ngày 20/9/2015 sau khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phan Văn C trình bày:**

Ông công nhận lời trình bày của bà D là đúng về thời gian đăng ký kết hôn, chung sống và mâu thuẫn, nhưng nay ông nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà là chưa đến mức phải ly hôn, nên ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Hà Thiên V, sinh ngày 20/9/2015, nếu phải ly hôn ông đồng ý giao cho bà D nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Phan Văn C.

Về con chung: Giao cháu Phan Hà Thiên V, sinh ngày 20/9/2015 cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông C là mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà D phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1]. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2]. Bà Lê Thị Kim D có đơn xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim D và ông Phan Văn C là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

2.2]. Yêu cầu của bà D xin được ly hôn với ông C, vì bà D cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Khi thụ lý vụ án để đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đối với ông C, thể hiện ông C có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại địa phương. Tại phiên tòa ông C có mặt và cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, nên ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không có cách nào để hàn gắn tình cảm gia đình. Nay bà D kiên quyết xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho bà D được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Hà Thiên V, sinh ngày 20/9/2015 sau khi ly hôn bà D xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con và được ông C đồng ý. Xét thấy hiện tại cháu V đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, nên khi ly hôn giao con chung cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật

2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu, nhưng ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng, nên được ghi nhận.

2.5]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.6]. Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp, bà D đã nộp đủ.

Buộc ông Phan Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Phan Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hà Thiên V, sinh ngày 20/9/2015 cho bà D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ông C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0010287 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà D, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND TT.Vĩnh An;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến